***Thứ Ba ngày 1 tháng 10 năm 2024***

**Tiếng việt:**

**gi - k (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết âm và chữ cái gi, k; đánh vần, đọc đúng tiếng có mô hình âm đầu gi / k + âm chính.

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có âm gi (gi), âm k (cờ).

- Nắm được quy tắc chính tả: k + e, ê, i / c + a, 0, ô, ơ,...

- Đọc đúng bài Tập đọc *Bé kể.*

- Biết viết các chữ gi, k và các tiếng giá (đỗ), kì (đà) (trên bảng con).

- Phát triển năng lực ngôn ngữ. Khơi gợi tình yêu thiên nhiên. Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

- Phát triển phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK, Bộ chữ tiếng việt, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 7p  13p  5p  5p  5p  20p  10p  5p | **Tiết 1**  **1. Hoạt động mở đầu.**  **\* Ôn luyện**  - GV kiểm tra 2 HS đọc bài *Ghế* cả lớp viết bảng con: ghế gỗ.  - GV nhận xét  **\* Giới thiệu bài**  - GV chỉ tên bài (chữ gi), nói: gi (phát âm giống di).  - GV chỉ tên bài (chữ k), nói: k (ca). GV giải thích: Đây là âm cờ, được viết bằng chữ ca. Để khỏi lẫn với âm cờ viết bằng chữ c (cờ), ta đánh vần theo tên chữ cái là ca.  - GV giới thiệu chữ K in hoa.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  (BT 1: Làm quen)  **a) Âm gi, chữ gi**  - GV đưa lên bảng lớp hình ảnh và từ giá đỗ, hỏi : Đây là gì?  - GV: Giá đỗ là một loại rau làm từ hạt đỗ nảy mầm.  - GV: Trong từ giá đỗ, tiếng nào có âm gi?  - GV chỉ từ giá.  **b) Âm k, chữ k:**  - GV giới thiệu hình ảnh kì đà (một loài thằn lằn cỡ to, sống ở nước, da có vảy, ăn cá); viết: kì đà.  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có chữ gi? Tiếng nào có chữ k?) (như những bài trước)  - GV chỉ từng từ, cả lớp đọc: kể, giẻ, kẻ,...  - GV chỉ từng từ (in đậm), cả lớp: Tiếng kể có k. Tiếng giẻ có gi...  **3.2. Quy tắc chính tả** (BT 3: Ghi nhớ)  - GV giới thiệu quy tắc chính tả c / k: Cả 2 chữ c (cờ) và k *(ca)* đều ghi âm cờ. Bảng này cho các em biết khi nào âm cờ viết là c; khi nào âm cờ viết là k.  - GV chỉ sơ đồ 1: Khi đứng trước e, ê, i, âm cờ viết là k.  - GV chỉ sơ đồ 2: Khi đứng trước các chữ khác (a, o, ô, ơ,...), âm cờ viết là c. HS (cá nhân, cả lớp): cờ - a - ca - sắc - cá / cờ - o - co - hỏi - cỏ / cờ - ô - cô / cờ - ơ – cơ - huyền - cờ...  **3.3. Tập đọc** (BT 4)  - GV chỉ hình ảnh mâm cỗ trong bữa giỗ; hỏi: Mâm cỗ có những món ăn gì? (Mâm cỗ có giò, xôi, gà, giá đỗ, nem, canh, món xào). GV: Các em cùng đọc bài xem bé Lê kể gì về mâm cỗ.  - GV đọc mẫu.  **Tiết 2**  **a) Luyện đọc từ ngữ** (đánh vần, đọc trơn): bi bô, bé kể, giã giò, giá đỗ.  **b) Luyện đọc câu**  - GV: Bài có 6 câu (GV đánh số TT từng câu trên bảng).  - GV chỉ từng câu.  - Chỉ liền 2 câu *(Đó là bé kể: Dì Kế giã giò.),* liền 2 câu *(Bé bi bô: “Dì... giò... ”).*  **c) Thi đọc đoạn, bài** (theo cặp, tổ). Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh. (Chia bài làm 2 đoạn đọc: 3 câu / 3 câu).  **3.4. Tập viết** (bảng con - BT 5) gi, k, giá đỗ, kì đà.  - GV vừa viết từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn:  - Chữ gi: là chữ ghép từ hai chữ g và i. Viết g trước, i sau.  - Chữ k: cao 5 li; gồm 1 nét khuyết xuôi, 1 nét cong trên, 1 nét thắt và 1 nét móc ngược.  - Tiếng giá (đỗ): viết gi trước, a sau, dấu sắc đặt trên a.  - Tiếng kì (đà): viết k trước, i sau, dấu huyền đặt trên i.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Gọi hs đọc lại bài đã học.Về nhà luyện viết chữ: gi, k  - GV nhận xét tiết học | - HS viết bảng con  - HS (cá nhân, cả lớp): gi.  - HS: ca  - HS quan sát  - Giá đỗ  - (Tiếng giá).  - HS nhận biết: gi, a, dấu sắc; đọc: giá. Cả lớp: giá.  - Phân tích tiếng giá. / HS (cá nhân, tổ, cả lớp): gi - a - gia - sắc - giá / giá đỗ.  - HS nhận biết: Tiếng kì có âm k (ca).  - Phân tích tiếng kì: có âm k (ca), âm i và dấu huyền đứng trên i. / Đánh vần, đọc trơn: ca - i - ki - huyền - kì / kì đà.  - HS trao đổi nhóm đôi: tìm tiếng có gi, có k; làm bài trong VBT; báo cáo.  - HS nói thêm tiếng có gi (gian, giàn, giao, giáo,...); có k (kì, kê, kém, kiên,...).  - HS (cá nhân, cả lớp):ca - e - ke  - hỏi - kẻ / ca - ê - kê - hỏi - kể / ca - i - ki -huyền - kì.  - HS (cá nhân, cả lớp) nhìn sơ đồ, nói lại quy tắc chính tả: k + e, ê, i / c + a, o, ô, ơ,. ..  - HS cả lớp đọc thầm, rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp)  - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2-3 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).  - HS thi đọc (cặp, cá nhân)  - 1 HS đọc cả bài  - Cả lớp đồng thanh bài  \* Cả lớp nhìn SGK, đọc lại 2 trang bài 17.  - HS đọc: gi, k, giá đỗ, kì đà.  - HS theo dõi, quan sát  - HS viết: gi, k (2 lần). Sau đó viết: giá (đỗ), kì (đà). |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**:..........................................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................